|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG THUÊ, MUA SẮM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO THÔNG TƯ** | **THUYẾT MINH** |
| 1 | **Phạm vi điều chỉnh & đối tượng áp dụng.**  - Ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) (đầu tư phát triển, chi thường xuyên; dự án hỗn hợp có vốn NSNN ≥30%). Loại trừ: bí mật Nhà nước; cơ quan đại diện Việt Nam (VN) ở nước ngoài; đối tác công tư (PPP); gói thầu thuộc phạm vi mở cửa theo cam kết. | Thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng NSNN (đầu tư phát triển, chi thường xuyên; dự án hỗn hợp có vốn NSNN ≥30%). Loại trừ tương tự. | Giữ cấu trúc phạm vi/đối tượng và ngoại lệ; điều chỉnh thuật ngữ và tập trung vào hoạt động thuê, mua sắm theo cơ chế ưu đãi. |
| 2 | **Giải thích từ ngữ**. - Xác định loại hình: sản phẩm CNTT (phần cứng, phần mềm, nội dung thông tin số); dịch vụ CNTT theo NĐ 73/2019/NĐ-CP. | Định nghĩa “Giá trị gia tăng nội địa (LVC)” và “Nghiên cứu & phát triển (R&D)”. | Đưa LVC làm cơ sở định lượng để xét ưu đãi thay vì chỉ liệt kê loại hình. |
| 3 | **Điều kiện/Nguyên tắc để được ưu tiên.**  - Đáp ứng tiêu chí chung (chi phí sản xuất trong nước; tài liệu tiếng Việt; hậu mãi) + tiêu chí cụ thể; và thuộc Danh mục do Bộ TT&TT công bố. | Đáp ứng tiêu chí chung (Điều 5) + tiêu chí cụ thể (Điều 6–9). Doanh nghiệp tự công bố, tự chứng minh đáp ứng tiêu chí. | Chuyển từ cơ chế “Danh mục công bố” sang “tự chứng minh + hậu kiểm”, tăng tính linh hoạt, minh bạch. |
| 4 | **Tiêu chí chung** (Điều 5). - Chi phí sản xuất trong nước theo quy định ưu đãi; tài liệu kỹ thuật tiếng Việt; hậu mãi. | Doanh nghiệp VN nắm >50% vốn/cổ phần biểu quyết; công bố thông tin trên website và cập nhật Hệ thống thông tin quốc gia; hậu mãi; cơ quan chuyên ngành có thể bổ sung tiêu chí theo thẩm quyền. | Bổ sung điều kiện sở hữu Việt Nam và minh bạch thông tin; tỷ lệ nội địa hóa chuyển sang quy định tại từng loại hình theo LVC. |
| 5 | **Tiêu chí sản phẩm phần cứng** (Điều 6).  - Phù hợp yêu cầu; sáng tạo/thiết kế/sản xuất tại VN; ISO 9001; ATTT; R&D ≥1%. | ≥50% LVC (lao động, nguyên liệu, R&D) theo Phụ lục I; có tài liệu thiết kế gốc thuộc sở hữu doanh nghiệp (DN) Việt Nam. | Thay tiêu chuẩn ISO/R&D bằng chỉ tiêu LVC; nhấn mạnh làm chủ thiết kế gốc (Make in Vietnam). |
|  | **Tiêu chí sản phẩm phần mềm** (Điều 7).  - DN VN thực hiện tối thiểu 1 trong 2 công đoạn (TT 13/2020/TT-BTTTT); GCN quyền tác giả; ISO 9001/CMMI; ATTT (ISO/IEC 27001); R&D ≥3%; SaaS đáp ứng thêm tiêu chí dịch vụ. | DN VN thực hiện tối thiểu 1 trong 2 công đoạn; ≥50% LVC; loại trừ khỏi LVC: phí bản quyền nước ngoài, thuê chuyên gia nước ngoài, nhân sự làm việc ngoài lãnh thổ VN. | Bỏ yêu cầu Giấy chứng nhận quyền tác giả, ISO/CMMI, R&D; áp dụng cơ chế LVC và quy tắc loại trừ chi phí ngoại. |
|  | **Tiêu chí sản phẩm nội dung số (Điều 8).**  - Sản xuất tại VN; ISO 9001; ATTT; R&D ≥3%. | ≥50% LVC; loại trừ chi phí ngoại; ngôn ngữ: tiếng Việt (khuyến khích song ngữ vùng DTTS). | Bỏ ISO/R&D; bổ sung yêu cầu ngôn ngữ; đồng bộ cơ chế LVC. |
|  | **Tiêu chí dịch vụ CNTT** (Điều 9).  - Cung cấp bởi DN/cá nhân VN; ISO 9001/ISO 27001; máy chủ đặt tại VN (đặc biệt với cloud); biện pháp bảo vệ dữ liệu; dịch vụ sẵn có cho ≥03 cơ quan; R&D ≥3%. | ≥50% LVC của dịch vụ tạo ra tại VN; quy tắc loại trừ chi phí ngoại khi tính LVC. | Bỏ yêu cầu vị trí máy chủ, ISO và điều kiện kinh nghiệm; ưu đãi dựa trên tỷ lệ LVC để phù hợp thực tiễn dịch vụ số. |
|  | **Tổ chức thực hiện** (Điều 10–12). - Bên mời thầu đưa tiêu chí vào hồ sơ; không chỉ định hàng nước ngoài; nếu không chọn phải giải trình; Sở TT&TT tiếp nhận, MIC công bố danh mục và hậu kiểm. | Ưu tiên DN Việt; không đưa điều kiện loại trừ; nếu không lựa chọn phải giải trình; ưu đãi theo Luật Đấu thầu; DN tự chứng minh; báo cáo/cập nhật Hệ thống thông tin quốc gia; phân công Bộ KH&CN và các đơn vị đầu mối. | Thay đổi cơ chế báo cáo/cập nhật qua hệ thống tập trung; tăng hậu kiểm. |
|  | **Hiệu lực, chuyển tiếp**. - Hiệu lực 15/02/2021; thay thế TT 47/2016; có quy định chuyển tiếp. | Dự kiến hiệu lực 01/01/2026; thay thế TT 40/2020/TT-BTTTT. | Bảo đảm tính liên tục khi chuyển đổi khung pháp lý sang Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Đấu thầu mới. |
|  | **Phụ lục.**  - Mẫu công bố, báo cáo (không có công thức LVC). | Phụ lục I: bảng kê chi phí & công thức LVC (trực tiếp/gián tiếp); Phụ lục II: mẫu báo cáo, cập nhật hệ thống. | Bổ sung công cụ định lượng minh bạch để áp dụng ưu đãi trong đấu thầu. |

**2. Đối với văn bản ban hành mới**